



Since 1924

RX5

PHONG CÁCH

Sang Trọng, Thời Thượng, Lịch Lãm



Bảo hành 5 năm không giới hạn km

RX5



Since 1924

PHIÊN BẢN / GRADE		MG RX5 1.5T STD	MG RX5 1.5T LUX
KÍCH THƯỚC - KHUNG GẮM / DIMENSIONS - CHASSIS			
Kích thước tổng thể (DxRxH) / Overall dimensions (LxWxH)		4574mm x 1876mm x 1690mm	
Chiều dài cơ sở / Wheelbase		2708mm	
Chiều rộng cơ sở (Trước/Sau) / Tread (Front/Rear)		1575mm/1574mm	
Khoảng sáng gầm xe / Ground clearance		196mm	196mm
Trọng lượng không tải / Curb weight		1539kg	1539kg
Trọng lượng toàn tải / Total weight		1972kg	1972kg
Bán kính quay vòng tối thiểu / Min. turning radius		5.9m	5.9m
Dung tích bình xăng / Fuel tank capacity		55L	55L
Bánh xe / Wheel		La-zăng hợp kim nhôm, 18" / Alloy wheel, 18"	La-zăng hợp kim nhôm, 19" / Alloy wheel, 19"
Lốp xe / Tire		235/50R18	235/45R19
ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH / ENGINE - PERFORMANCE			
Động cơ / Engine	Loại / Type	Động cơ xăng, I4, Turbo tăng áp / Gasoline, I4, Turbocharger	
	Dung tích / Displacement	1490cc	
	Công suất cực đại / Max. Output	168HP@5600v/ph / 168HP@5600rpm	
	Momen xoắn cực đại / Max. Torque	275Nm@2000-4000v/ph / 275Nm@2000-4000rpm	
Tiêu chuẩn khí thải / Emission level		EURO V	
Hộp số / Transmission		Tự động 7 cấp ly hợp kép (loại ướt) / 7 DCT (wet type)	Tự động 7 cấp ly hợp kép (loại ướt) / 7 DCT (wet type)
Hệ thống phanh / Brake system	Trước / Front	Phanh đĩa / Disc	Phanh đĩa / Disc
	Sau / Rear	Phanh đĩa / Disc	Phanh đĩa / Disc
Phanh tay điện tử & Autohold / EPB & Autohold		✓	✓
Hệ thống treo / Suspension system	Trước / Front	MacPherson	MacPherson
	Sau / Rear	Liên kết đa điểm / Multi-link	Liên kết đa điểm / Multi-link
Hệ thống lái / Steering system		Trợ lực điện / EPS	Trợ lực điện / EPS
NGOẠI THẤT / EXTERIOR			
Cụm đèn trước / Headlamp		LED	LED
Đèn ban ngày / Daytime running light		LED	LED
Đèn sương mù phía trước / Front fog lamp		-	-
Rửa đèn pha / Headlamp washer		-	-
Cụm đèn sau / Tail & Stop lamp		LED	LED
Đèn sương mù phía sau / Rear fog lamp		-	-
Đèn báo phanh trên cao / High mount stop lamp		LED	LED
Gạt mưa tự động / Auto rain sensing wiper		-	-
Gương chiếu hậu bên ngoài / Outside rear view mirror		Chỉnh điện, sấy gương, tích hợp đèn báo rẽ LED / Power adjustment & folding, heater, LED turn signal lamp	Chỉnh điện, gập điện, sấy gương, tích hợp đèn báo rẽ LED / Power adjustment & folding, heater, LED turn signal lamp
Mở & Khóa cửa rảnh tay / Keyless door unlock & lock		✓	✓
Cửa kính / Window		Điều khiển điện, 1 chạm lên & xuống phía người lái / Power control, 1-touch up & down for driver side	Điều khiển điện, 1 chạm lên & xuống phía người lái / Power control, 1-touch up & down for driver side
Kính tối màu / Privacy glass		✓	✓
Cửa sổ trời / Sunroof		Toàn cảnh / Panoramic roof	Toàn cảnh / Panoramic roof
Giá nóc / Roof rail		-	✓
Cửa cốp sau tự động / Auto tailgate		-	✓
Gói trang bị thể thao / Sport package		-	✓
NỘI THẤT / INTERIOR			
Số chỗ ngồi / Seat capacity		5	5
Hàng ghế trước / Front seat	Ghế người lái / Driver seat	Chỉnh cơ 6 hướng / 6-way manual adjustment	Chỉnh điện 6 hướng / 6-way power adjustment
	Ghế hành khách / Passenger seat	Chỉnh cơ 4 hướng / 4-way manual adjustment	Chỉnh điện 4 hướng / 4-way power adjustment
	Đệm lưng / Lumbar support	-	Chỉnh cơ / Manual
Hàng ghế sau / Rear seat	Điều chỉnh độ ngả / Adjustable angle	✓	✓
	Gập 60/40 / 60/40 folding	✓	✓
Chất liệu ghế / Seat cover material		Nỉ / Fabric	Da / Leather
Khởi động bằng nút bấm / Push start - stop engine		✓	✓
Đồng hồ kỹ thuật số 12.3" / 12.3" digital cluster		-	✓
Gương chiếu hậu bên trong / Inside rear view mirror		Chỉnh cơ / Manual	Tự động chống chói / Auto dimming
Vô lăng chỉnh cơ 4 hướng / Manual tilt & telescope steering wheel		✓	✓
Vô lăng bọc da / Leather steering wheel		-	✓
Hệ thống điều hòa / Air conditional system		Điều khiển điện tử 1 vùng / 1-zone ETC	Tự động 2 vùng / 2-zone auto control
Cửa gió điều hòa phía sau / Rear A/C vent		✓	✓
Hệ thống đa phương tiện / Infotainment system		Màn hình 14.1" / 14.1" Display	Màn hình 14.1" / 14.1" Display
Hệ thống âm thanh / Audio system		6 loa / 6 speakers	6 loa / 6 speakers
Sạc không dây / Wireless charger		-	✓
AN TOÀN & AN NINH / SAFETY & SECURITY			
Kiểm soát hành trình / Cruise control		✓	✓
Cảm biến đỗ xe trước & sau / Front & Rear parking sensor		Chỉ phía sau / Rear sensor only	✓
Camera lùi / Parking camera		✓	Camera 360 / 360 Degree camera
Cảm biến áp suất lốp / TPMS		✓	✓
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) / Anti-lock brake system (ABS)		✓	✓
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) / Electronical Brake Force Distribution (EBD)		✓	✓
Hệ thống kiểm soát phanh khi vào cua (CBC) / Cornering Brake Control		✓	✓
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp (BA) / Brake assist system (BA)		✓	✓
Hệ thống cân bằng điện tử (ESP) / Electronic stability program (ESP)		✓	✓
Hệ thống hỗ trợ chống lật (ARP) / Anti rolling program (ARP)		✓	✓
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC) / Hill-start assist control (HAC)		✓	✓
Hệ thống hỗ trợ đổ dốc (HDC) / Hill descent control (HDC)		✓	✓
Túi khí / Airbags		4	6
Hệ thống cảnh báo chống trộm / Anti-theft Alarm & Immobilizer		✓	✓



Màu xám



Màu xanh



Màu đen



Màu trắng

*Thông số kỹ thuật trên mang tính chất tham khảo có thể thay đổi theo thực tế mà không cần báo trước.



CÔNG TY TNHH SAIC MOTOR VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (+84)2835359915

Email: info.smv@smil.com

Website: mgmotor.vn



Thông Tin Đại Lý